ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Quyết định số 79../2024/QĐ-UBND ngày 01../10../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

"I. Bảng giá đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác):

1. Đối với địa bàn các xã thuộc huyện:

Đơn vị tính: đồng/m^2

Vị trí	Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
1	57.800	46.200	29.700
2	46.200	36.300	23.100
3	36.300	29.700	18.200
4	29.700	23.100	14.900
5	19.800	15.400	9.900

2. Đối với địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và tại các thị trấn:

- Tại địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, giá đất là 154.000 đồng/m^2.

- Tại địa bàn thị trấn Khánh Hải và thị trấn Phước Dân, giá đất là 107.300 đồng/m^2.

- Tại địa bàn thị trấn Tân Sơn, giá đất là 99.000 đồng/m^2 và chỉ áp dụng đối với khu vực đất từ Quốc lộ 27 đến giáp sông Cái và từ Quốc lộ 27 đến kênh Tây. Các khu vực còn lại, tính theo giá đất tại khoản 1 mục I.

II. Bảng giá đất trồng cây lâu năm:

1. Đối với địa bàn các xã thuộc huyện:

Đơn vị tính: đồng/m^2

Vị trí	Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
1	66.000	52.800	29.700
2	52.800	42.900	23.100
3	42.900	33.000	18.200
4	33.000	26.400	14.900

2. Đối với địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và tại các thị trấn:

- Tại địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, giá đất là 168.000 đồng/m^2.

- Tại địa bàn thị trấn Khánh Hải và thị trấn Phước Dân, giá đất là 117.000 đồng/m^2.

- Tại địa bàn thị trấn Tân Sơn, giá đất là 108.000 đồng/m^2 và chỉ áp dụng đối với khu vực đất từ Quốc lộ 27 đến giáp sông Cái và từ Quốc lộ 27 đến kênh Tây. Các khu vực còn lại, tính theo giá đất tại khoản 1 mục II.

III. Bảng giá đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng:

1. Đối với địa bàn các xã thuộc huyện:

Đơn vị tính: đồng/m^2

Khu vực	Giá đất
Xã đồng bằng	9.900
Xã trung du	7.700
Xã miền núi	5.500

2. Đối với địa bàn thị trấn Tân Sơn: Giá đất là 8.400 đồng/m^2.

IV. Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản:

1. Đối với địa bàn các xã thuộc huyện:

Đơn vị tính: đồng/m^2

Vị trí	Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
1	66.000	41.300	23.100
2	49.500	29.700	19.800
3	36.300	24.800	16.500
4	29.700	16.500	13.200

2. Đối với địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và thị trấn Khánh Hải:

- Tại địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, giá đất là 126.000 đồng/m^2.

- Tại địa bàn thị trấn Khánh Hải, giá đất là 117.000 đồng/m^2.

3. Đối với địa bàn thị trấn Tân Sơn:

Đơn vị tính: đồng/m^2

Vị trí	Giá đất
1	45.000
2	32.400
3	27.000
4	18.000

V. Bảng giá đất làm muối:

1. Đối với địa bàn các xã thuộc huyện:

Đơn vị tính: đồng/m^2

Vị trí	Giá đất
1	85.800
2	72.600
3	56.100

2. Đối với địa bàn thị trấn Khánh Hải:

Đơn vị tính: đồng/m^2

Vị trí	Giá đất
1	101.400
2	85.800
3	66.300

”